

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

ÂM VÀ NGHĨA TRONG THI CA - BÀN GÓP ĐÒI LỜI

LÊ XUÂN MÀU

Bài viết của Châu Minh Hùng trên tạp chí *Ngôn ngữ*, Số 2/2011 là bài viết đáng chú ý: *Âm và nghĩa của thi ca - từ cấu trúc luận đến giải cấu trúc luận*. Đây không chỉ là chuyện của ngôn ngữ học. Nó còn liên quan đến những chủ thuyết trong giới lí luận phê bình văn học phương Tây. Nhận thấy trong bài còn có những điều cần được làm rõ, xin được bàn góp đôi lời.

Chuyện quan hệ giữa âm và nghĩa là vấn đề trước hết được đặt ra trong ngôn ngữ học. Lí thuyết về *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* của F. Saussure đã được hầu hết những người quan tâm tới ngôn ngữ học biết đến. Cả lí thuyết về *tính vô đoán* trong mối quan hệ giữa âm và nghĩa nữa. Tuy vậy, vẫn có một số người không tán đồng với ông về luận điểm âm thanh ngôn ngữ không có nghĩa tự thân. Họ cho rằng: “giữa cái biểu hiện và cái được biểu hiện, tương quan không vô đoán, nó thiết yếu”. Đối với người bản ngữ, các âm “có sức gọi về ấn tượng, về cảm giác, về hình ảnh thị giác và thính giác”. Đó là điều mà Cao Xuân Hạo đã nhắc lại trong *Lời nói đầu* ở bản dịch cuốn sách của Saussure. Cuộc tranh luận ấy có sự

tham gia của các tên tuổi lớn như Roman Jakobson. Đặc biệt là khi vận dụng nó vào ngôn ngữ thơ, thì một số người còn khẳng định mạnh hơn. Jakobson khẳng định: “Âm thanh đến lượt nó không đơn giản chỉ là âm thanh”, “những từ tương đồng về âm thanh sẽ xích lại gần nhau về nghĩa”... Những nhà nghiên cứu cùng trường phái của ông cũng có những luận điểm được nhắc đến, như Brik: “Âm và hòa âm cũng không phải là thứ bổ sung về mặt hài hòa, mà chúng là kết quả của một ý đồ thi ca”. Những điều đó, Châu Minh Hùng đã thuật lại khi nói về cấu trúc luận. Tuy nhiên, việc lấy cảm thức bản ngữ để nói rằng âm có ý nghĩa và giữa âm và nghĩa có quan hệ “tất yếu”, nghĩa là mỗi tên đặt đều có lí do, đều là hợp lí thì nói như Cao Xuân Hạo, ta còn phải “suy nghĩ thêm”. Còn nói đến sự “sinh nghĩa” của các âm khi chúng vận động, tương tác với nhau thì đã là chuyển sang lĩnh vực *lời nói*, chứ không còn trong lĩnh vực *ngôn ngữ* như nghiên cứu của Saussure bàn đến.

Trong lời nói thường ngày và ngôn ngữ thơ ca, âm có thể có “nghĩa tự trị” hay không? Có thể gặt ra các từ tượng thanh, tượng hình và các

thán từ là những tiếng kêu đau đớn hay mừng vui ít ỏi mà chính Saussure đã lí giải. Ta cũng có thể bàn đến cái giá trị gợi cảm của những nguyên âm rộng - hẹp, các khuôn vần có âm tắc - vang hoặc thanh điệu bằng - trắc... Thật ra đó là vấn đề “giá trị”. Giá trị của các yếu tố âm thanh có được trước hết là do có sự “đối lập” từng cặp như đã nêu, nhưng quan trọng là do sự sử dụng của người nói, người viết. Không có cái “giá trị tự thân” như người ta hay nói về cái gọi là “phương tiện tu từ”! Một câu như *Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt* có giá trị gợi cảm về âm thanh tiếng trống nhờ các âm cuối *ng, nh* là các âm vang trong sự đối lập với âm tắc. Nhưng đó đâu phải là giá trị ở “nghĩa tự trị” của các âm đó! Giá trị ấy có được là nhờ cái “nghĩa” của các từ có âm vang được chọn. Các âm vang là hình thức, nó được khai thác để “tôn vinh nội dung” mà thôi. Cũng như vậy, ở hai câu thơ của Xuân Diệu: *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang/ Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*, đâu phải “giai điệu, tiết tấu tự chúng nảy sinh ra nghĩa bên trong chứ không phải sự quy chiếu với thế giới bên ngoài” như tác giả Châu Minh Hùng nói. Nếu không phải là *rặng liễu* “quy chiếu với thế giới bên ngoài” thì hình ảnh ấy, ý nghĩa ấy liệu có được chấp nhận? Phải nói thêm rằng, ngay trong “lời thơ” của *Xuân Thu Nhã tập* như thơ của Nguyễn Xuân Sanh trong *Buồn xưa* thì muốn hiểu nghĩa vẫn phải “quy chiếu vào thế giới bên ngoài”

chứ không hoàn toàn như tác giả nói là làm thế sẽ bế tắc. Câu: *Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà* đó, người ta đã “quy chiếu” vào cái “đĩa đựng hoa quả” và hiểu được câu thơ muốn nói: “Nhìn vào đáy cái đĩa đựng hoa quả, thấy hoa quả theo mùa thay nhau nên thấy *mùa đi*”. Vì vậy khó có thể chấp nhận việc tác giả đẩy lên cực đoan khi viết:

“Hình thức mang nội dung bên trong của chính nó. Một từ khi kết hợp với một từ khác trong một chuỗi âm thanh đặc biệt của thi ca, nó không còn là nó nữa, sự qui chiếu với hiện thực bên ngoài được thay thế thành (?) sự tương tác bên trong cấu trúc, tự nó sinh ra nghĩa mới so với nghĩa thực dụng của ngôn ngữ thông thường.”

Rất có thể tác giả dựa vào câu sau của Jakobson: “trong ngôn ngữ thi ca, kí hiệu tự nó đã hoàn tất một giá trị độc lập”. Nhưng Jakobson nói về “kí hiệu” với cả hai mặt “biểu đạt” và “được biểu đạt” của nó. Và hiển nhiên là mỗi “kí hiệu” (từ) ở thơ ca đều có giá trị riêng của nó và đó là phần “đóng góp” của nó vào giá trị chung của câu thơ! Không thể từ cái “đúng” ở câu nói ấy để “chuyển dịch” sang chuyện quy cho “hình thức” (âm) cái giá trị riêng!

Cũng có thể có những nhà thơ, những trường phái thơ chỉ quan tâm đến âm mà xem nhẹ ngữ nghĩa (sự thực họ quan tâm đến một thứ “nghĩa” khác!) nhưng dẫn chứng và phân tích về những câu đồng dao *Vuốt hạt nổ/ Đổ bánh xèo* được Châu Minh Hùng

đem ra để chứng minh cho việc “chỉ sử dụng cấu trúc âm thanh như một cấu trúc tự trị” như là *một nguyên lý chung* của thơ là không ổn. Chúng ta chỉ cần vận dụng một chút lý thuyết giao tiếp là có thể làm rõ ý nghĩa loại “thơ” này. Đây là một “trò chơi”. Trò chơi nào cũng có “luật chơi”. Trong trò chơi này, trẻ chỉ cần những câu “tạo nhịp” cho động tác vuốt tay, và chỉ yêu cầu có sự “mắc nối” các câu đó bằng vần mà thôi. Loại lời này vẫn có “tính thơ” nhờ thực hiện chức năng thơ của ngôn ngữ. Những người tham gia vào hoạt động giao tiếp đó chấp nhận loại “thơ” này nhưng không có nghĩa là “nguyên lý” cấu tạo của nó có thể áp đặt cho loại thơ khác. Chúng ta có thể cho rằng đây cũng là một kiểu “thỏa mãn nhu cầu thơ ca”- nhu cầu tìm đến thơ ca và văn chương nói chung để được “dễ thở hơn, đỡ buồn chán hơn”, để “có thể là chính mình với nhiều niềm vui hơn” như nhận định của J. L. Curtis (theo *Diễn giải ý tưởng văn chương*, Henri Bénac). Rất nhiều thứ “thơ” khác trong đời sống như “thơ đề”, “thơ sấm kí”,... cũng tồn tại như thế. Và tất nhiên không phải ai, nếu không muốn nói là đa số, cũng chấp nhận đó là... thơ đích thực!

Rồi tiếp đến “giải cấu trúc luận”. Nếu như cấu trúc luận chỉ nói đến quan hệ giữa “cái biểu đạt” và “cái được biểu đạt” trong tính võ đoán hay có lí do thì giải cấu trúc luận đi xa hơn, không công nhận cái hình ảnh “hai mặt của một tờ giấy” của mỗi quan hệ này (tất nhiên vẫn là

vượt ra ngoài phạm vi *ngôn ngữ* mà đi vào *lời nói*)*. Họ cho rằng một “cái biểu đạt” có thể có nhiều “cái được biểu đạt” tương thích. Và rồi đi xa hơn chút nữa thì là sự lí giải về “chuỗi” nối dài của mỗi quan hệ này. Hai cái “biểu đạt” và “được biểu đạt” thứ nhất sẽ trở thành một “khối” đóng vai trò là “cái biểu đạt” thứ hai để phản ánh “cái được biểu đạt” thứ hai; rồi cứ như thế, có thể tiếp diễn các quá trình với những hệ quả biến thiên phức tạp. Ngôn từ lí luận của bài viết có vẻ trừu tượng, cao siêu, có phần khó hình dung. Sự thực chỉ đơn giản là có những văn bản không chỉ mang một “nghĩa”. Chẳng hạn bài thơ *Đánh đu* của Hồ Xuân Hương ai cũng thấy có ít nhất hai “nghĩa”. Một “cái biểu đạt” tương thích với nhiều “cái được biểu đạt”! Tuy vậy trong những trường hợp như thế này ta phải cùng một lúc tiếp nhận được tất cả các “nội dung” mới thấy thỏa mãn. Không thể nói như Châu Minh Hùng là: “không thể diễn xuôi như một trò chơi đánh đu” mà chỉ có thể coi “tất cả văn bản, mà hai câu đối nhau này chỉ là sự phối âm (?) giữa các đối lập *trai/ gái*(...) để hướng vào chiều sâu kín đáo những hoạt động mang tính phồn thực”. Bởi nếu chỉ là thế thì các chi tiết khác trong

.....

* Trong lĩnh vực ngôn ngữ cũng có chuyện lấy cái vỏ âm đã có để cho nó một nghĩa mới. Sự mở rộng nghĩa các từ ấy liên quan đến việc dùng một “cái biểu đạt” để chỉ một “vật” khác chứ không phải một khái niệm như trong mô hình “hai mặt một tờ giấy” của Saussure.

bài không thích ứng với cái nghĩa bóng. Phải cùng lúc tiếp nhận cả nghĩa đen và nghĩa bóng của văn bản mới có được hứng thú thẩm mỹ cũng như lòng khâm phục tài hoa của tác giả.. Đó mới là tiếp nhận văn bản văn chương theo thể loại, hoặc “theo thi pháp” như cách nói của các nhà lí luận văn học. Và phải tiếp nhận như thế mới phù hợp với những văn bản thơ kiểu như câu đố dân gian như thế.

Cũng như vậy, ta có thể minh họa luận điểm về cái chuỗi quan hệ giữa hai cái “biểu đạt” và “được biểu đạt” bằng một thí dụ sau:

Các cô gái “tra khảo” một cô bạn về quan hệ yêu đương của cô này. Cô này chối. Thế là một văn bản với nhiều cái “biểu đạt” và “được biểu đạt” ra đời:

Một hai bậu nói rằng không

Dấu chân ai đứng bờ sông hai người?

Một anh hô bài chòi nghe được “văn bản” đó. Với óc hài hước, anh ta đem văn bản đó vào cuộc chơi bài chòi. Anh ta hô đúng câu đó để báo con bài sắp ra là con “tứ cẳng” (chân hai người rõ ràng là ... "tứ cẳng"!). Thế là cả cái văn bản thứ nhất đã thành “cái biểu đạt” cho “cái được biểu đạt” thứ hai là "con tứ cẳng"! Cái sự vận dụng ấy phù hợp với quan hệ giao tiếp trong trò chơi bài chòi. Trước khi đưa con bài ra, người hô thường đưa ra những câu báo trước. Có những câu “đánh đố” người chơi để họ đoán. Đoán đúng thì vui mà đoán sai thì

cũng... vui! Quan hệ hai bên trong giao tiếp càng thêm mặn nồng! Dùng nguyên lí giao tiếp trong đời thường hoàn toàn có thể giải thích được hiện tượng này (có lẽ cũng sáng tỏ tương tự như *thuyết giải cấu trúc*). Những chuyện “nhại văn bản” hay “lai ghép thể điệu”... cũng có thể giải thích bằng tình huống giao tiếp, hội thoại trong cuộc sống như thế. Khi cãi cò hoặc thanh minh, trần tình người ta nhiều khi cũng đem dẫn nguyên văn lời của nhau. Hay khi làm thơ tặng Tố Hữu, chú bé Trần Đăng Khoa chẳng đã vận dụng những chi tiết trong đời và thơ ca của ông vào bài thơ của mình đó thôi. Và hẳn Trần Đăng Khoa (lúc đó là chú bé Khoa) cũng suy nghĩ đơn thuần là mình vận dụng cái “nguyên lí đời thường” chứ đâu đã biết gì đến *giải cấu trúc*! Nói như vậy là chúng tôi muốn lưu ý các thầy cô dạy ngữ văn ở trường phổ thông rằng, những lí luận cao siêu nhiều khi lại là sự cản trở, gây nhiễu trong giảng dạy.

Có lẽ cũng nên đề cập một hiện tượng mà Paul Valéry nêu ra. Đó là “sự phân vân giữa âm và nghĩa”. Khi nhắc lại lời này chúng tôi nhận thấy, có vẻ như nhiều người muốn hướng tới việc chứng minh cái “nghĩa tự trị” của âm không kém gì nghĩa - “ngữ nghĩa”. Nhưng không hẳn vậy. Hiên nhiên là trong thơ có những đòi hỏi về “âm” - âm và thanh - khá chặt chẽ, bắt buộc người làm thơ và người thưởng thức thơ không thể bỏ qua. Điều đó đã dẫn đến nhiều tình huống khiến

“nhà thơ” phải “phân vân” giữa chọn âm hay chọn nghĩa? Hay vấp nhất là những khi bắt vần mà nếu thỏa mãn niêm luật thì lại không chọn được chữ có nghĩa phù hợp. Sự cố này dẫn đến hai cách giải quyết. Các nhà thơ “xoàng” sẽ chạy theo âm, kết quả là cho ra những chữ gò ép, những vần “kí sinh”. Hoặc là làm kiểu “Bút Tre”, đổi thanh, cắt dòng bất chấp ngữ nghĩa, cú pháp. Với những trường hợp ấy dù với những người muốn đề cao “nghĩa tự trị” của âm (hình thức) cũng phải... kêu trời! Cách thứ hai là tôn trọng nghĩa - nội dung, cảm xúc, ý tưởng... - và “hi sinh” mặt âm thanh (vần, niêm luật). Ngay đến Tần Đà, người lớn lên trong cái nôi âm luật xưa cũng có khi phải phá lệ:

Tài cao, phận nhỏ, chí khí uất

Giang hồ dong chơi quên quê hương.

Còn Quang Dũng thì khỏi nói! Rất tiêu biểu là 2 khổ thơ sau đây trong bài *Tây Tiến*:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp, đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Người ta bảo rằng đó là giai điệu vận động theo hướng nghịch âm. Nhưng rõ ràng là âm đã bị “hi sinh” để đảm bảo cho nghĩa. Phải chăng các thể thơ mới ra đời đều từ nhu cầu “chạy theo nghĩa”, chạy theo những cảm xúc mới không thể gò bó trong hình thức cũ? Hiện tượng này chống lại lí luận “nghĩa tự trị” của âm, “thơ tự lấy mình làm đối tượng”? Cái nguyên lí “hình thức tôn vinh nội dung” trong thơ và văn chương nói chung hẳn là có thực tế chứng minh nhưng cố nhiên ai cũng biết có những “nội dung” không thể đòi hình thức tôn vinh.

Chúng tôi biết rằng lí luận thường có màu xám, chỉ có cây đời là mãi xanh tươi. Rất có thể thứ lí luận thơ ca chúng tôi không tán thưởng có những mảng “cây xanh tươi” của nó, và thứ lí luận chúng tôi tán đồng cũng chỉ có màu xám không thích ứng được nhiều “lời” thơ khác lạ có thể rất “mốt”. Tuy vậy chúng tôi nghĩ sự trao đổi là cần thiết. Ít ra cũng làm cho người ta cảnh giác với những nhận thức, suy diễn cực đoan, đỡ đẩy các nhà lí luận tiền bối vào chỗ dở khóc dở cười khi bị giải thích... quá đà. Mong nhận được những chỉ giáo của bạn đọc.